TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÀU BÀNG** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2020/HS-ST
Ngày: 16-4-2020

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÀU BÀNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Dương Thành Công;

Ông Nguyễn Minh Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng tham gia phiên tòa: Ông Thái Hoàng Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 57/2019/TLST-HS ngày 06 tháng 12 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2020/QĐXXST – HS ngày 03 tháng 01 năm 2020, các Quyết định hoãn phiên tòa số 01/QĐST-HS ngày 20-01-2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 02/QĐST-HS ngày 19-02-2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/QĐST-HS ngày 16-3-2020 đối với các bị cáo:

1. A (tên gọi khác là Cu), sinh năm 1993, tại Bình Dương; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp H, xã Đ, huyện D, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Lái xe trình độ học vấn: 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh Tấn C (đã chết) và bà Phạm Thị H; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị tạm giam từ ngày 01-11-2018 cho đến nay; có mặt.

2. Nguyễn Thị T, sinh năm 1973, tại Thanh Hóa; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn 1b, xã T, huyện L, tỉnh Bình Thuận; nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn S và bà Lê Thị L, chồng là Lê Đình T; bị cáo có 03 con, lớn nhất sinh năm 1994, nhỏ nhất sinh năm 2006; tiền án, tiền sự: không; bị cáo tại ngoại; có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị T*: Bà Trần Thị Mộng M, sinh năm 1966; nơi cư trú Phường X, thị xã K, tỉnh Đồng Nai. Là luật sư của Văn phòng Luật sư M, thuộc đoàn luật sư tỉnh Đồng Nai, có mặt.

- *Bị hại:*

+ Ông Lê Văn D, sinh năm 1974; nơi cư trú: ấp 1, xã V, huyện B, tỉnh Bình Dương, vắng mặt (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

+ Bà Trần Thị Lệ H, sinh năm 1975; nơi cư trú: ấp 1, xã V, huyện B, tỉnh Bình Dương, vắng mặt (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án*: Ông Lê Đình C, sinh năm 1994; nơi cư trú: thôn 1b, xã T, huyện L, tỉnh Bình Thuận, vắng mặt (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo A làm thuê tại huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước, bị cáoA có nợ tiền của một người tên Khánh (không rõ họ tên, địa chỉ) với số tiền 46.100.000 đồng. Khoảng tháng 6-2018, thông qua mạng xã hội Facebook, bị cáo A mua 01 giấy phép lái xe, 01 chứng minh nhân dân có tên T sinh năm 1989, trú tại tổ 16, phường H, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu có dán hình của A của đối tượng không rõ họ tên địa chỉ để đi lái xe thuê ở Bình Phước. Đến khoảng tháng 10-2018, bị cáoA dùng bằng lái xe mang tên Huỳnh Đức T xin vào làm lái xe ô tô tải biển số 61C - 010.66 (là tài sản chung của ông Lê Văn D và vợ là bà Trần Thị Lệ H). Khoảng giữa tháng 10-2018, bị cáo A bị K gọi điện thoại đòi nợ nên bị cáo A nảy sinh ý định lấy trộm xe ô tô tải biển số 60C-244.98 bán lấy tiền trả nợ cho K.

Sáng ngày 18-10-2018,A vào Facebook tìm chỗ để bán xe ô tô tải 60C-244.98. A tìm được số điện thoại của Cơ sở kinh doanh mua bán phế liệu tại thôn 1B, xã T, huyện L, tỉnh Bình Thuận của ông Nguyễn Văn S đứng tên. Ông Sợi giao lại cho bị cáo T có thu mua xe ô tô cũ bán phế liệu. Bị cáo A điện thoại vào số điện thoại vừa tìm được thì gặp con của bị cáo T là Lê Đình C. A nói với C là muốn bán xe ô tô tải 60C-244.98. C hỏi A: "Xe thế nào" A trả lời: "Xe còn tốt", C: "Hỏi xe đời mấy",A trả lời: "Đời 1994", C hỏi: "Xe của ai" A trả lời: "Là xe của A", C yêu cầu A gửi hình xe ô tô tải 60C-244.98 cho C xem nhưngA hẹn ngày 20-10-2018 sẽ gửi hình cho C. Khoảng 9 giờ ngày 20-10-2018, A chụp hình xe ô tô tải biển số 60C-244.98. Sau đó, A gọi điện thoại cho C để gửi hình xe qua zalo thì T nghe máy. Sau đó, A gửi hình xe ô tô tải biển số 60C-244.98 cho T xem. Khoảng 9 giờ 30 phút, ngày 20-10-2018, C gọi điện cho A để thỏa

thuận mua bán xe ô tô tải biển số 60C-244.98 với giá 110.000.000 đồng, A hẹn ngày 22-10-2018, A sẽ mang xe đến bán.

Khoảng 20 giờ ngày 22-10-2018, sau khi lái xe về bãi đậu xe. Lợi dụng lúc ô tô tải biển số 60C-244.98 đang đậu ở bãi đậu xe không có người trông coi, chìa khóa xe vẫn còn để ở ổ khóa xe, trên xe có 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô biển số 60C-244.98 số 011488, 01 biên lai thu phí đường bộ, giấy chứng nhận kiểm định, 01 giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe ô tô. A lên xe ô tô biển số 60C-244.98 bật chìa khóa khởi động xe rồi điều khiển xe đến huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận. Đến khoảng 06 giờ ngày 23-10-2018,A điều khiển xe đến Cơ sở kinh doanh mua bán phế liệu gặp C để bán xe. Khi bán xe A gặp T và C, A nói cho C và T biết xe này là của A, xe cũ không sử dụng nên bán, A bán xe nhưng không bán giấy tờ xe đồng thời đưa toàn bộ giấy tờ xe để T kiểm tra. Tuy nhiên, T chỉ kiểm tra biển số xe trong giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô và biển số xe ô tô giống nhau, còn các thông tin khác bị cáo T không kiểm tra. Bị cáo T kiểm tra giấy tờ đầy đủ nên đồng ý mua xe ô tô 60C-244.98 với số tiền 110.000.000 đồng và mang bộ giấy tờ xe ô tô tải biển số 60C-244.98 đi phô tô. Lê Đình C yêu cầu bị cáo A cung cấp chứng minh nhân dân củaA để viết giấy tờ mua bán xe. A đưa cho C 01 giấy phép lái xe mang tên Huỳnh Đức T, 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Thị T (chứng minh nhân dân này bị cáo A nhặt được ở bãi mua bán xe phế liệu của ông S). Sau khi bán xe, A lấy lại giấy chứng nhận đăng ký xe, giấy chứng nhận đăng kiểm, biên lai thu phí đường bộ và 02 biển số xe, 02 tem kiểm định. A bắt xe khách về đến khu vực cầu Đồng Nai rồi vứt giấy chứng nhận đăng ký xe, giấy chứng nhận đăng kiểm, biên lai thu phí đường bộ và 02 biển số xe, 02 tem kiểm định, 01 Giấy phép lái xe mang tên Huỳnh Đức T, 01 chứng minh nhân dân mang tên Huỳnh Đức T, 01 chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Thị T xuống sông Đồng Nai. A tiêu xài hết 110.000.000 đồng. Ngày 01-11-2018,A đến Công an huyện Dầu Tiếng đầu thú và thừa nhận toàn bộ hành vi trên. Khoảng 08 giờ 30 ngày 23-10-2018, ông Dũng phát hiện bị mất xe ô tô tải biển số 60C-244.98 nên đã làm đơn trình báo đến Công an thị trấn Lai Uyên. Công an thị trấn Lai Uyên nhận tin báo tiến hành xác minh, lập hồ sơ chuyển Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bàu Bàng thụ lý theo thẩm quyền.

Quá trình điều tra, T khai nhận không biết xe ô tô tải biển số 60C – 244.98 là do A trộm cắp mà có. Tuy nhiên, trên cơ sở kết quả điều tra và các tài liệu chứng cứ đã thu thập được, đủ cơ sở để chứng minh T biết xe ô tô tải biển số 60C – 244.98 là doA trộm cắp mà có nhưng T vẫn mua. Sau khi mua xe, vì sợ bị phát hiện nên T đã yêu cầu Lê Đình C và Nguyễn Bá Đ cắt, tháo rã xe ô tô trên thành các bộ phận nhỏ đồng thời cắt số khung, số máy để bán phế liệu. Như vậy, hành vi của T đã đủ yếu tố cấu thành tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có.

Vật chứng tạm giữ:

- Xe ô tô 60C-244.98 đã bị tháo rời thành từng bộ phận riêng biệt, cụ thể như sau: 01 khung xe (sườn xe, 10 bánh xe, bình dầu) kích thước 740x240 cm; thành thùng xe (thành thùng bên phải kích thước 250x83 cm, thành thùng bên trái kích thước 230x80 cm, thành thùng bên trái kích thước 245x85 cm, thành thùng bên phải kích thước 234x107 cm); 02 cánh cửa cabin kích thước 135x107 cm; 01 tấm vĩ trái, kích thước 225x20 cm; 01 dè trái kích thước 214x60 cm; 01 dè phải kích thước 192x60 cm; 01 bửng sau kích thước 224x95 cm; 01 két nước kích thước 75x86x10 cm; 01 bô e kích thước chu vi 120 cm cao 45 cm; 01 Ac quy hiệu Đồng Nai 150A; 01 Ac quy Gs 150A; 01 cảng trước kích thước 240x33 cm; 01 bảo hiểm hông 3 thanh bên trái kích thước 177x55 cm; 01 vỉ phải kích thước 206x09 cm; 01 bảo hiểm hông 3 thanh bên phải kích thước 173x54 cm; 01 chắn bùn két nước kích thước 76x50 cm; 01 ca bin kích thước 245x120x165 cm; 01 bảng số khung có ký hiệu KMCDB19YPR017*8*, kích thước 15x3 cm; 01 máy xe gắn liền hộp số đã bị mài mòn số máy kích thước 230x110x90 cm.

- 01 tấm hình giấy phép lái xe mang tên Huỳnh Đức Trung (bản phô tô);

- 0 1 tấm hình giấy chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Thị Thanh (bản phô tô);

- Có 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô biển số 60C-244.98 số 011488 (bản phô tô);

- 01 biên lai thu phí đường bộ (bản phô tô);

- 01 giấy chứng nhận kiểm định (bản phô tô);

- 01 giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe ô tô (bản phô tô);

- 01 hợp đồng mua bán xe có chữ ký của Lê Đình C và Huỳnh Đức Trung.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 23/KL-HDĐG ngày 31-10-2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Bàu Bàng kết luận trị giá 01 xe ô tô nhãn hiệu Huydai biển số: 60C – 244.98 là 270.000.000 đồng (hai trăm bảy mươi triệu đồng).

Cáo trạng số 52/CT - VKSBB ngày 07 tháng 11 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng truy tố A tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 173 và truy tố Nguyễn Thị T về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 323 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo A khai nhận hành vi phạm tội như Cáo trạng truy tố.

Bị cáo Nguyễn Thị T trình bày, sáng ngày 20 tháng 10 năm 2019, A gọi điện thoại đến, T nói với A, T chỉ mua xe hết đời. Tuy nhiên, sáng ngày 23 tháng 10 năm 2019A mang xe đến thì T chỉ kiểm tra biển số xe trong giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô và biển số xe ô tô giống nhau, còn các thông tin khác T không kiểm tra. T kiểm tra giấy tờ đầy đủ nên đồng ý mua xe ô tô 60C-244.98 với số tiền 110.000.000 đồng và mang bộ giấy tờ xe ô tô tải biển số 60C-244.98 đi phô tô. T nhờ con là Lê Đình C viết giấy tờ mua bán xe với A. Đến chiều ngày 23 tháng 10 năm 2019, Công an xã đến lập biên bản T mới biết xe do A trộm cắp mà có.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng trong phần tranh luận, giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điểm a khoản 3 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 đối với bị cáo A; đề nghị xử phạt bị cáo mức hình phạt từ 7 đến 8 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 01-11-2018.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 2 Điều 323, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Nguyễn Thị T; đề nghị xử phạt bị cáo mức hình phạt 3 năm tù nhưng cho bị cáo hưởng án treo, Thời hạn thử thách 5 năm tính từ ngày tuyên án.

Đối với xe ô tô mang biển số 60C-244.98 đã bị tháo rời thành từng bộ phận riêng biết. Ngày 26-4-2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bàu Bàng đã trả các bộ phận cụ thể như sau: 01 khung xe; thành thùng xe; 02 cánh cửa cabin; 01 tấm vĩ trái; 01 dè trái; 01 dè phải; 01 bửng sau; 01 két nước kích; 01 bô e; 01 Ac quy hiệu Đồng Nai 150A; 01 Ac quy Gs 150A; 01 cảng trước; 01 bảo hiểm hông 3 thanh bên trái; 01 vỉ phải; 01 bảo hiểm hông 3 thanh bên phải; 01 chắn bùn két nước; 01 ca bin; 01 bảng số khung có ký hiệu KMCDB19YPR017*8*; 01 máy xe gắn liền hộp số đã bị mài mòn số máy cho bị hại Lê Văn Dũng. Bị hại Dũng nhận lại số tài sản trên và yêu cầuA bồi thường thêm cho ông Dũng 150.000.000 đồng.A đồng ý bồi thường 150.000.000 đồng cho ông Dũng.

Đối với hành vi của Lê Đình C: C khai nhận khoảng 07 giờ sáng ngày 23/10/2018, khi C đang ngủ thì mẹ của C vào gọi C dậy để viết giấy mua bán xe, sau đó người bán xe mang xe vào bãi rồi C và một người làm thuê nữa tên là Đạo rã xe để bán phế liệu. Hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có ngoài bị cáo T còn có Lê Đình C. Ngày 29-11-2019, Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng đã ra Quyết định trả hồ sơ điều tra bổ sung với lý do "Có căn cứ cho rằng có người khác thực hiện hành vi mà Bộ luật hình sự quy định là tội phạm liên quan đến vụ án nhưng chưa được khởi tố vụ án, khởi tố bị can". Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng: Chỉ căn cứ vào lời khai của bị can bị

cáo A không thể buộc tội đối với Lê Đình C về hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng giữa nguyên ý kiến đối với hành vi của Lê Đình C.

Đối với hành vi sử dụng chứng minh nhân dân và giấy phép lái xe mang tên Huỳnh Đức Trung của bị cáoA. Hiện Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bàu Bàng không thu giữ được chứng minh nhân dân và giấy phép lái xe gốc mang tên Huỳnh Đức Trung mà bị cáoA sử dụng nên ngày 07-10-2019 Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương có kết luận giám định số 400 kết luận không đủ cơ sở để giám định. Cơ quan điều tra Công an huyện Bàu Bàng tiếp tục xác minh, làm rõ xử lý sau.

Đối với hành vi của Nguyễn Bá Đạo cùng với Lê Đình C cắt, tháo rã xe ô tô trên thành các bộ phận nhỏ. Tuy nhiên, Đạo không biết đây là tài sản do người khác phạm tội mà có, Đạo chỉ là người làm thuê cho bà T vì vậy hành vi của Đạo không có dấu hiệu của tội phạm.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo A tịch thu sung quỹ số tiền 110.000.000 đồng và bồi thường thiệt hại cho bị hại ông Lê văn D và bà Trần Thị Lệ H số tiền 150.000.000 đồng.

Người bào chữa cho bị cáo T tại phiên tòa đồng ý với bản luận tội của Viện kiểm sát về tội danh và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ cho bị cáo. Bị cáo tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bản thân bị cáo đang bị bệnh, cha bị cáo là cựu chiến binh, bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng nên đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng án treo.

Bị cáo A và bị cáo Nguyễn Thị T không tranh luận với đại diện Viện kiểm sát.

Bị cáo A trình bày lời nói sau cùng: Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nên rất hối hận, ăn năn hối cải và mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo Nguyễn Thị T trình bày lời ói sau cùng: bị cáo nhận thức được hành vi của bị cáo là sai, bị cáo rất hối hận, ăn năn hối cải, gia đình bị cáo còn có bố mẹ già và con nhỏ mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên,

Viện kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng, Kiểm sát viên trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, quyết định, hành vi tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo A đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại và các chứng cứ trong hồ sơ vụ án. Do đó Hội đồng xét xử đã có cơ sở xác định: Khoảng 20 giờ ngày 22-10-2018, bị cáo A lợi dụng lúc không có người trong coi tài sản nên đã lén lút lấy trộm xe ô tô biển số 60C – 244.98 của bị hại ông Lê Văn D trị giá 270.000.000 đồng tại bãi đậu xe ở khu phố Bàu Lòng, thị trấn Lai Uyên, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương. Sau đó, bị cáoA mang xe ô tô biển số 60C – 244.98 đến huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận bán cho bị cáo T với giá 110.000.000 đồng. Số tiền bán xe bị cáoA tiêu xài hết. Ngày 01-11-2018, bị cáo A đến Công an huyện Dầu Tiếng đầu thú và thừa nhận toàn bộ hành vi trên.

Đối với hành vi của bị cáo T, bị cáo cho rằng bị cáo mua xe hết đời để cắt bán phế liệu vàA nói rằng xe của A hết đời mới mang đi bán. Sáng ngày 23 tháng 9 năm 2019, A mang xe đến bán bị cáo T chỉ kiểm tra biển số xe trong giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô và biển số xe ô tô giống nhau, còn các thông tin khác bị cáo T không kiểm tra. Trong khi đó, xe ô tô 60C-244.98 còn thời hạn sử dụng và xe có giấy chứng nhận đăng ký mang tên Phan Chí Hùng, không phải xe của A, A cũng không có giấy tờ nào chứng minh xe ô tô 60C-244.98 là của A. Tại phiên tòa ngày hôm nay, bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại và các chứng cứ trong hồ sơ vụ án.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét thấy hành vi của bị cáo A đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" và hành vi của bị cáo Nguyễn Thị T phạm tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có". Do vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng truy tố các bị cáo theo tội danh và điều khoản như trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật

[3] Hành vi của các bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội. Lợi dụng sơ hở của bị hại, bị cáo A lén lút bị hại lấy trộm tài sản. Tài sản chiếm đoạt được, bị cáo A mang đến bán cho bị cáo T lấy tiền chia nhau tiêu sài. Về nhận thức, các bị cáo biết việc lén lút chiếm đoạt tài sản của công dân và tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có là vi phạm pháp luật nhưng các bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Vì tham lam tư lợi, muốn hưởng thụ nhưng lười lao động nên bị cáo đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản và tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có. Hành vi của các bị cáo không những xâm phạm trực tiếp đến tài sản của công

dân được pháp luật bảo vệ mà còn gây mất trật tự trị an trong khu vực.

[4] Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt cần xem xét toàn diện các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ đối với các bị cáo như sau.

[4.1] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[4.2] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáoA đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo A tự ra đầu thú nên được hưởng tình tiết quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Đối với bị cáo T tại lời khai của Cơ quan điều tra bị cáo không thừa nhận hành vi phạm tội của mình nhưng tại phiên tòa hôm nay, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và gia đình bị cáo hoàn cảnh gia đình khó khăn nên được hưởng tình tiết tại điểm s khoản 1, khoản 2, Điều 51 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Bị cáo T có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng nên không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà giao bị cáo về địa phương nơi cư trú quản lý, giáo dục bị cáo, nên Hội đồng xét xử cho bị cáo hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 của Bộ luật hình sự 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

[5] Xét thấy mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng đề nghị đối với các bị cáo là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi mà các bị cáo đã thực hiện nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Quan điểm của người bào chữa cho bị cáo T là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Xét về hành vi của Lê Đình C:

Trong vụ án này, C có hành vi liên lạc, chỉ dẫn bị cáo A vào cơ sở thu mua phế liệu của bị cáo T, đồng thời C là người viết giấy mua bán xe với bị cáoA và còn có hành vi rã xe thành nhiều bộ phận, cà số máy và cắt biển số bên trong thùng xe, phía sau đuôi xe. Vì vậy, ngày 29-11-2019, Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng đã ra quyết định trả hồ sơ điều tra bổ sung vì cho rằng "Có căn cứ cho rằng có người khác thực hiện hành vi mà Bộ luật hình sự quy định là tội phạm liên quan đến vụ án nhưng chưa được khởi tố vụ án, khởi tố bị can". Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng cho rằng chỉ căn cứ vào lời khai của bị cáoA không thể buộc tội đối với Lê Đình C về hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng giữa nguyên ý kiến đối với hành vi của Lê Đình C.

Việc không chấp nhận với quyết định trả hồ sơ điều tra bổ sung của Tòa án

và việc Viện kiểm sát giữ nguyên ý kiến với hành vi của Lê Đình C là bỏ lọt tội phạm khác. Nên Hội đồng xét xử đề nghị Cơ quan Điều tra, Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp tiếp tục xem xét để xử lý hình sự đối vời Lê Đình C.

[8] Xét hành vi sử dụng chứng minh nhân dân và giấy phép lái xe mang tên Huỳnh Đức T của bị cáo A. Hiện Cơ quan điều tra Công an huyện Bàu Bàng không thu giữ được chứng minh nhân dân và giấy phép lái xe gốc mang tên Huỳnh Đức Trung mà bị cáoA sử dụng nên ngày 07-10-2019 Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương có kết luận giám định số 400 kết luận không đủ cơ sở để giám định. Cơ quan điều tra Công an huyện Bàu Bàng tiếp tục xác minh, làm rõ xử lý sau nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Đối với hành vi của Nguyễn Bá Đ cùng với Lê Đình C cắt, tháo rã xe ô tô trên thành các bộ phận nhỏ. Tuy nhiên, Đạo không biết đây là tài sản do người khác phạm tội mà có, Đạo chỉ là người làm thuê cho bà T vì vậy hành vi của Đạo không có dấu hiệu của tội phạm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[10] Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo A bồi thường cho bị hại ông Lê Văn Dũng và bà Trần Thị Lệ Hà số tiền 150.000.000 đồng theo quy định tại Điều 579 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[11] Về xử lý vật chứng:

Các bộ phận cụ thể như sau: 01 khung xe; thành thùng xe; 02 cánh cửa cabin; 01 tấm vĩ trái; 01 dè trái; 01 dè phải; 01 bửng sau; 01 két nước kích; 01 bô e; 01 Ac quy hiệu Đồng Nai 150A; 01 Ac quy Gs 150A; 01 cảng trước; 01 bảo hiểm hông 3 thanh bên trái; 01 vỉ phải; 01 bảo hiểm hông 3 thanh bên phải; 01 chắn bùn két nước; 01 ca bin; 01 bảng số khung có ký hiệu KMCDB19YPR017*8*; 01 máy xe gắn liền hộp số đã bị mài mòn số máy, ngày 26 tháng 4 năm 2019, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương đã trả cho bị hại Lê Văn Dũng (biên bản giao nhận ngày 26-4-2019) là phù hợp theo quy định tại điểm b, khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng Hình sự 2015 nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Buộc bị cáo A nộp lại số tiền 110.000.000 đồng để tịch thu nộp ngân sách nhà nước theo quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng Hình sự 2015

[12] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 đối với bị cáo A.

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 323, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Nguyễn Thị T.

Căn cứ Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015.

Căn cứ vào Điều 579 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 106, các Điều 136, 260, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về trách nhiệm hình sự:

Tuyên bố bị cáo A phạm tội "Trộm cắp tài sản"; bị cáo Nguyễn Thị T phạm tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có".

Về hình phạt:

Xử phạt bị cáo A 07 (bảy) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 01-11-2018.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T 03 (ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 (năm) năm tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Bình Thuận giám sát, giáo dục trong thời hạn thử thách.

Trong trường hợp bị cáo Nguyễn Thị T có thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo A phải bồi thường cho ông Lê Văn D và bà Trần Thị Lệ H số tiền 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về xử lý vật chứng: Buộc bị cáo A nộp lại số tiền 110.000.000 đồng (một trăm mười triệu đồng) để tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước.

4. Về án phí: bị cáo A phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 7.500.000 đồng (bảy triệu năm trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Bị cáo Nguyễn Thị T phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ nhận bản án hoặc niêm yết công khai.

6. Về thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2, Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Công an tỉnh Bình Dương (PV27);
- Sở tư pháp tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Bàu Bàng;
- Công an huyện Bàu Bàng;
- Chi cục THA huyện Bàu Bàng;
- Người tham gia tố tụng;
- Cổng thông tin điện tử TAND(nếu có);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thanh Tùng